Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Phụ lục số 114

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VĨNH PHÚ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa
1	Khu đất quy hoạch đấu giá QSD đất Đồng Rùa			25.000			17.500			12.300						
2	Khu đất đấu giá QSD đất thôn Gồ			5.000			3.500			2.500						
3	Khu đất đấu giá, đất giãn dân, đất dịch vụ thôn Liễu			8.000			5.600			3.900						
4	Khu đất đấu giá QSD đất đồng Gò Dâu, thôn Duy Bình			10.000			7.000			4.900						
5	Khu đất đấu giá, đất dịch vụ thôn Kim Xa			8.000			5.600			3.900						
6	Khu đất đấu giá QSD đất thôn Hậu Lộc			8.000			5.600			3.900						
7	Khu đất đấu giá QSD đất thôn Hậu Lộc, thôn Duy Bình			8.000			5.600			3.900						
8	Khu đất đấu giá QSD đất ao Lò Gạch, thôn Ven			10.000			7.000			4.900						
9	Khu đất đấu giá QSD đất thôn Thượng, thôn Đông			8.000			5.600			3.900						
10	Khu đất đấu giá QSD đất khu Văn Chi và ao Lò Gạch, thôn Thượng			8.000			5.600			3.900						
11	Khu đất đấu giá QSD đất đấu giá, đất dịch vụ khu Đầm Thùng	Các ô đất có vị trí tiếp giáp với đường từ Trạm bơm cũ xã Lý Nhân (khi chưa sáp nhập) đến hết UBND xã Lý Nhân (khi chưa sáp nhập) cũ		25.000			17.500			12.300						
		Các ô đất còn lại tiếp giáp với đường quy hoạch		20.000			14.000			9.800						
12	Khu đất giải quyết đất dịch vụ và đất giãn dân thôn Bàn Mạch			20.000			14.000			9.800						
13	Khu Tái định cư xã Vĩnh Phú (thuộc dự án Cầu Vĩnh Thịnh trên Quốc lộ 2C)			8.000			5.600			3.900						
14	Các khu dân cư quy hoạch còn lại thuộc các xã cũ khi chưa sáp nhập (trừ các vị trí đã có trong Bảng giá)	Đất hai bên đường >= 9,5m		8.000			5.600			3.900						
		Đất hai bên đường < 9,5m		6.000			4.200			2.900						
15	Đường đê Bối xã Vĩnh Phú	Từ thôn Văn Hà, xã Lý Nhân cũ (khi chưa sáp nhập)	Đến hết thôn Hậu Lộc, xã Vĩnh Ninh cũ (khi chưa sáp nhập)	6.000	3.000	2.000	4.200	2.100	1.400	2.900	1.500	1.000				
16	Đường Ngũ Kiên - Phú Đa - Vĩnh Ninh (cũ khi chưa sáp nhập)	Thuộc địa phận xã Vĩnh Phú		5.500	2.500	1.500	3.900	1.800	1.100	2.700	1.300	800				
		Ngã ba thôn Chung 1	Đê TW	5.500	2.500	1.500	3.900	1.800	1.100	2.700	1.300	800	22	118	26	207
17	Đất hai bên đường quốc lộ 2C: Thuộc địa phận xã Vĩnh Phú			9.500	3.000	2.000	7.600	2.400	1.600	3.800	1.200	800				
18	Đường từ cầu Xuân Lai (xã Vĩnh Tường) đi cầu Vĩnh Thịnh mới: Thuộc địa phận xã Vĩnh Phú			5.300	1.900	1.500	4.250	1.520	1.120	2.120	760	560				
19	Đường Thượng Trưng - Tuân Chính - An Nhân - Vĩnh Phú	Từ chợ Táo	Đi Quốc lộ 2C cũ (xã Vĩnh Phú)	6.000	3.000	2.000	4.800	1.600	1.200	3.000	1.000	830	18	867	10	554
20	Đoạn từ Đê Trung ương đến Cảng Cam Giá (xã An Tường (khi chưa sáp nhập))	Từ Đê Trung ương	Đến Cảng Cam Giá (xã An Tường cũ)	6.000	3.000	2.000	4.800	1.600	1.200	2.400	1.000	900	16	15	27	154
21	Đường từ Trạm bơm cũ xã Lý Nhân (khi chưa sáp nhập) đến đê bối địa phận xã Lý Nhân cũ (khi chưa sáp nhập)	Từ Trạm bơm cũ xã Lý Nhân (cũ)	Đến hết UBND xã Lý Nhân cũ	12.000	6.000	2.000	8.400	4.200	1.400	5.900	2.900	1.000				
		Đường nối G.15 đến Đê Bối (xã Lý Nhân (khi chưa sáp nhập))		11.100	3.900	2.000	7.510	3.740	1.570	5.600	3.000	1.200	7	278	6	994
22	Đường Tứ Trưng - Đại Tự	Thuộc địa phận xã Vĩnh Phú		11.500	7.000	4.000	8.000	5.000	3.000	5.010	3.000	1.200	8	55	30	51
23	Đoạn nối từ đường Thượng Trưng - Tuân Chính - An Tường - Vĩnh Thịnh (từ chợ Táo đi QL2C) đến đường Đê Bối Đoạn thôn Bích Chu, Thủ Độ (xã An Tường cũ)			5.000	3.000	2.000	2.900	1.730	1.570	2.150	1.500	1.200	6	194	9	232
24	Đoạn nối từ đường Đê Bối qua trường mầm non Bích Chu (xã An Tường cũ)			4.500	3.000	2.000	3.500	1.600	1.170	1.930	1.200	900	1	2	6	117
25	Đoạn nối từ đường Đê Bối thôn Kim Đê đến ngã tư thôn Kim Đê			6.000	3.000	2.000	4.200	2.100	1.400	2.900	1.500	1.000				
26	Tuyến đường huyện lộ cũ thuộc địa phận xã Vĩnh Phú, trừ những vị trí đã có trong Bảng giá			8.000	3.000	2.000	4.800	1.800	1.200	3.200	1.200	800				